

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 01/Hộ kinh doanh Cơ sở rượu gạo Nguyên chất Tùng Anh/2024

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: **HỘ KINH DOANH CƠ SỞ RƯỢU GẠO NGUYÊN CHẤT TÙNG ANH**

Địa chỉ: Tổ 13, khu phố 3A, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 0963 859 466

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 44H8017300 do phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã Chơn Thành cấp ngày 25/01/2024

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: cơ sở không thuộc diện cấp. Đã được phòng Kinh tế xác nhận Bản cam kết an toàn thực phẩm ngày 19/11/2024.

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **Rượu trắng**

2. Thành phần: Rượu 32 (độ), gạo, men rượu. Được lên men tự nhiên.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 03 năm kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Được đóng chai thủy tinh, can, chai nhựa chuyên dùng có nắp đậy kín, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- Quy cách bao gói: Thể tích bình từ 500ml đến 1000ml

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Cơ sở rượu gạo Nguyên chất Tùng Anh

Địa chỉ: Tổ 13, khu phố 3A, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Hộ kinh doanh Cơ sở rượu gạo Nguyên chất Tùng Anh sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 6-3:2010/BYT: quy định ATVSTP đối với sản phẩm đồ uống có cồn. Cụ thể như sau:

**1. Cảm quan:**

1	Màu sắc	Dung dịch trong, không màu
2	Mùi	Đặc trưng của rượu, không có mùi lạ
3	Vị	Cay, tê, đặc trưng của rượu, không có vị lạ
4	Trạng thái	Lỏng, trong, không vẩn đục

## 2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức công bố
1	Hàm lượng Ethanol	% V/V	TCVN 8011:2009	32.2
2	Hàm lượng Acetaldehyde	Mg/l Ethanol 100	TCVN 8010:2009	167
3	Hàm lượng Methanol	Mg/l Ethanol 100	TCVN 8010:2009	Vết/Trace 41.6 (<LOQ=93.2)
4	Hàm lượng Ethyl acetate	Mg/l Ethanol 100	TCVN 8010:2009	91.3
5	Hàm lượng rượu bậc cao (tính theo 2-Methyl-propan-1-ol)	Mg/l Ethanol 100	TCVN 8010:2009	1168

Hộ kinh doanh chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Chon Thành, ngày 20 tháng 1 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)

Hiệp  
Vũ Đức Hiệp

# MẪU NHÃN SẢN PHẨM

LÒ RƯỢU  
TÀ



RƯỢU GẠO NGUYÊN CHẤT  
**TÙNG ANH**

**RƯỢU TRẮNG**

Định lượng: 900ml

Hàm lượng Etanol: 32<sup>o</sup>

Thành phần: Gạo, men, nước.

**Nấu ủ thủ công - Lên men tự nhiên 100%**

NSX:

HSD: 3 năm kể từ NSX

Sản xuất tại: Cơ sở rượu gạo nguyên chất Tùng Anh

 **0963 859 466**

 **Tổ 13, KP.3A Ninh Hưng, Chơn Thành, Bình Phước**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

Mã số hộ kinh doanh: 8040545050-001

Mã số đăng ký hộ kinh doanh: 44H8017300

Đăng ký lần đầu: ngày 25 tháng 01 năm 2024

**1. Tên hộ kinh doanh:** HỘ KINH DOANH CƠ SỞ RƯỢU GẠO NGUYÊN CHẤT TÙNG ANH

**2. Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh:** Tổ 13, Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0963 859 466

Fax:

Email:

Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh:**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
2	Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Bán buôn rượu)	4633 (Chính)

**4. Vốn kinh doanh:**

Vốn kinh doanh (Bằng số): 100.000.000 đồng

Vốn kinh doanh (Bằng chữ): Một trăm triệu đồng.

**5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh:** Cá nhân

**6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:**

Họ và tên: VŨ ĐỨC HIỆP

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/09/1978 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân: 015078006942

Ngày cấp: 08/05/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Trái Hút, Xã An Bình, Huyện Văn Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 13, Khu phố 3A, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực 009707 quyền số SCT/BS

Ngày

19-11-2024

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CHƠN THÀNH



Công Chứng Viên

Nguyễn Tấn Ngà

HỮU TRƯỞNG PHÒNG



Trần Mạnh Thịnh

Chơn Thành, ngày 19 tháng 11 năm 2024

**BẢN CAM KẾT**

**Bảo đảm an toàn thực phẩm**

**Kính gửi:** phòng Kinh tế thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Tôi là: **Vũ Đức Hiệp**

Căn cước công dân số: 015078006942 Ngày cấp: 08/5/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Là chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh: Hộ Kinh doanh Cơ sở rượu gạo Nguyễn chất Tùng Anh

Địa điểm sản xuất, kinh doanh: Tổ 13, khu phố 3A, phường Minh Hưng, Chơn Thành, Bình Phước

Chỗ ở hiện nay: Tổ 13, khu phố 3A, phường Minh Hưng, Chơn Thành, Bình Phước

Điện thoại: 0963 859 466

Mặt hàng sản xuất, kinh doanh: Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh, bán buôn đồ uống (chi tiết: Bán buôn rượu).

Tôi cam kết thực hiện đúng các quy định về điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất/kinh doanh thực phẩm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật với những nội dung sau:

1. Cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm về sơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện, nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, nguồn nước sạch để sản xuất/kinh doanh thực phẩm, các quy định về bảo quản, vận chuyển thực phẩm.

2. Cơ sở tuân thủ quy định về sức khỏe, kiến thức và thực hành của người trực tiếp sản xuất/kinh doanh thực phẩm theo quy định.

Bản cam kết này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký, được làm thành 02 bản có giá trị như nhau (cơ quan tiếp nhận giữ 01 bản, cơ sở giữ 01 bản).

Xác nhận của cơ quan  
tiếp nhận Bản cam kết

Chủ cơ sở sản xuất/kinh doanh

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 009706 quyền số: 1SCT/BS

Ngày 19-11-2024



Ông Chứng Viên  
Nguyễn Tấn Ngà

## **ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM**

### **1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải bảo đảm các điều kiện về bảo quản thực phẩm sau đây (Điều 20 Luật an toàn thực phẩm)**

- Nơi bảo quản và phương tiện bảo quản phải có diện tích đủ rộng để bảo quản từng loại thực phẩm riêng biệt, có thể thực hiện kỹ thuật xếp dỡ an toàn và chính xác, bảo đảm vệ sinh trong quá trình bảo quản;
- Ngăn ngừa được ảnh hưởng của nhiệt độ, độ ẩm, côn trùng, động vật, bụi bẩn, mùi lạ và các tác động xấu của môi trường; bảo đảm đủ ánh sáng; có thiết bị chuyên dụng điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm và các điều kiện khí hậu khác, thiết bị thông gió và các điều kiện bảo quản đặc biệt khác theo yêu cầu của từng loại thực phẩm;
- Tuân thủ các quy định về bảo quản của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

### **2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ phải tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm (khoản 1 Điều 22 Luật an toàn thực phẩm)**

- Có khoảng cách an toàn đối với nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm;
- Có đủ nước đạt quy chuẩn kỹ thuật phục vụ sản xuất, kinh doanh thực phẩm;
- Có trang thiết bị phù hợp để sản xuất, kinh doanh thực phẩm không gây độc hại, gây ô nhiễm cho thực phẩm;
- Sử dụng nguyên liệu, hóa chất, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm;
- Tuân thủ quy định về sức khỏe, kiến thức và thực hành của người trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh thực phẩm;
- Thu gom, xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường
- Duy trì các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và lưu giữ thông tin liên quan đến việc mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc thực phẩm.

### **3. Cơ sở kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn phải bảo đảm các điều kiện (khoản 1 Điều 27 Luật An toàn thực phẩm)**

- Tuân thủ quy định về ghi nhãn thực phẩm;
- Tuân thủ các điều kiện về bảo đảm an toàn đối với dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm, điều kiện về bảo đảm an toàn thực phẩm trong bảo quản thực phẩm quy định tại Điều 18 và Điều 20 của Luật An toàn thực phẩm;
- Bảo đảm và duy trì vệ sinh nơi kinh doanh;
- Bảo quản thực phẩm theo đúng hướng dẫn của tổ chức, cá nhân sản xuất.

### **4. Cơ sở kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến không bao gói sẵn phải bảo đảm các điều kiện (khoản 2 Điều 27 Luật An toàn thực phẩm)**

- Có biện pháp bảo đảm cho thực phẩm không bị hỏng, mốc, tiếp xúc với côn trùng, động vật, bụi bẩn và các yếu tố gây ô nhiễm khác;
- Rửa sạch hoặc khử trùng các dụng cụ ăn uống, chứa đựng thực phẩm trước khi sử dụng đối với thực phẩm ăn ngay;
- Có thông tin về xuất xứ và ngày sản xuất của thực phẩm.

\* Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chấp hành thực hiện nghiêm túc các quy định trên. Trường hợp vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm tùy theo tính chất mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp gây ra thiệt hại phải bồi thường và khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/11/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y248K1141

Mã KQ/ RP. No: 001085864.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : **HỘ KINH DOANH CƠ SỞ RƯỢU GẠO NGUYÊN CHẤT TÙNG ANH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : **Tổ 13, Khu phố 3A, Minh Hưng, Chơn Thành, Bình Phước**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : **05/11/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : **05/11/2024 - 10/11/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **RƯỢU TRẮNG**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : **Mẫu chứa trong chai nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Trạng thái/ Characteristic	Dạng lỏng, không có tạp chất	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
2	Màu sắc/ Colour	Sản phẩm không màu	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
3	Mùi, vị/ Odor, taste	Mùi, vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-HCB-127:2023 (Ref. TCVN 5251:2015)
4	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-27:2021
5	Ethanol (*)	32.2	% (v/v)	-	TS-KT-SK-05:2019 (Ref. AOAC 972.10, TCVN 8011:2009)
6	Methanol (*)	Vết/ Trace 41.6 (< LOQ = 93.2)	mg/L ethanol 100°	31.1	TS-KT-SK-07:2019 (Ref. AOAC 972.11, TCVN 8010:2009)
7	Ethyl acetate (*)	91.3	mg/L ethanol 100°	-	TS-KT-SK-07:2019 (Ref. AOAC 972.11, TCVN 8010:2009)
8	Acetaldehyde (*)	167	mg/L ethanol 100°	-	TS-KT-SK-07:2019 (Ref. AOAC 972.11, TCVN 8010:2009)
9	Hàm lượng rượu bậc cao (tính theo 2-Methyl-propan-1-ol) (*)/ Alcohols higher content (as 2-Methyl-propan-1-ol) (*)	1168	mg/L ethanol 100°	-	TS-KT-SK-07:2019 (Ref. AOAC 972.11, TCVN 8010:2009)

*Handwritten signature*

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/11/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y248K1141

Mã KQ/ RP. No: 001085864.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GPHH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
<b>Chú thích/ Remarks:</b> 1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope. 2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor. 3. GPHH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection. 4. GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification. 5. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.					

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

LÝ BÁ HÀO

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



HUYỄN TÁN CƯỜNG

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số chứng thực 009713 quyển số 01/SCT/BS

Ngày

19-11-2024

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CHƠN THÀNH**



**Công Chứng Viên**  
**Nguyễn Tấn Ngà**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsi-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TSL-TTCL-7.8/BM-04